TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHONG THỔ** **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 47/2024/HS-ST Ngày 28 tháng 01 năm 2024	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG THỔ, TỈNH LAI CHÂU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Trung Tá.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phàn A Long, ông Đèo Văn Vĩnh

Thư ký phiên tòa: Ông Lương Văn Đoàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ tỉnh Lai Châu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 01 năm 2024 tại …, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai, lưu động vụ án hình sự thụ lý số: 48/2024/TLST-HS ngày 17 tháng 01 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2024/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 01 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. L A D, tên gọi khác: Không có, sinh năm: 19..; Nơi sinh: .., tỉnh Lai Châu; Nơi cư trú: Bản A, xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: ..; Dân tộc: ..; Giới tính: ..; Tôn giáo: Không; Con ông .., sinh năm 19..và bà .., sinh năm 19..; Bị cáo có vợ là .., sinh năm 20.. và chưa có con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Phong Thổ từ ngày 06/12/2023 đến nay có mặt tại phiên tòa.

2. L A S, tên gọi khác: Không có, sinh năm: 20..; Nơi sinh: .. tỉnh Lai Châu; Nơi cư trú: Bản A, xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: ..; Dân tộc: ..; Giới tính: ..; Tôn giáo: Không; Con ông .., sinh năm 19.. và bà .., sinh năm 19..; Bị cáo chung sống như vợ chồng với .., sinh năm 20.. và có .. con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ tại nhà tạm giữ Công an huyện Phong Thổ từ ngày 06/12/2023 đến ngày 15/12/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, đến nay có mặt tại phiên tòa.

3. L A H, tên gọi khác: Không có, sinh ngày: ..; Nơi sinh: …., tỉnh Lai Châu; Nơi cư trú: Bản A, xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: ..; Dân tộc: ..; Giới tính: .. Tôn giáo: Không; Con ông .., sinh

năm 19.. và bà .., sinh năm 19..; Bị cáo chung sống như vợ chồng với .., sinh năm 20..và có .. con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ tại nhà tạm giữ Công an huyện Phong Thổ từ ngày 06/12/2023 đến ngày 15/12/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, đến nay có mặt tại phiên tòa.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh L A T, sinh năm 19... Có mặt

Anh L A H., sinh năm 19... Có mặt

Đều có cùng địa chỉ cư trú: Bản A, xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

* Người phiên dịch cho bị cáo L A H: Anh Sùng A Dình, sinh năm 2000. Trú tại: TDP Pa So, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cách ngày bị bắt khoảng 01 tuần, bị cáo L A D có quen biết một người tên K ở Hà Nội qua mạng xã hội facebook. Kiệt có đặt vấn đề đặt mua của D 06 thùng pháo với giá 4.000.000 đồng/01 thùng. D đồng ý, sau đó D liên hệ với một người đàn ông Trung Quốc để mua của người này pháo nổ, pháo hoa, pháo dàn tổng 06 thùng với mức giá 500 nhân dân tệ một thùng và thống nhất giao hàng tại khu vực hàng rào biên giới gần cột mốc 70 (2), thuộc bản Hoang Thèn, xã Vàng Ma Chải, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Khi D mua được pháo và đem về nhà D cất giữ. K thống nhất với D và có nhờ Đ là người quen của K ở thành phố Lai Châu liên hệ với D để nhận pháo, Đ sẽ đến nhà D để kiểm tra pháo rồi vận chuyển pháo đến ngã ba đường rẽ vào xã M, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu rồi sẽ chuyển pháo lên ô tô để vận chuyển về Hà Nội cho K. Cụ thể:

Đến khoảng hơn 00 giờ ngày 04/12/2023 D đem theo 01 giá để hàng bằng kim loại, 01 dây cao su, cùng số tiền 10.500.000 đồng điều khiển xe máy nhãn hiệu HONDA Air blade, màu trắng, biển kiểm soát 25B1 - 809.23, đi đến khu vực gần cột mốc biên giới 70 (2). Tại khu vực này hệ thống điện tại hàng rào biên giới chiếu sáng, D nhìn thấy người đàn ông Trung Quốc đang vận chuyển thùng pháo, thấy 04 thùng pháo đã đặt ở bờ suối bên phía Việt Nam, còn 02 thùng pháo đang để ở bên bờ suối phía bên Trung Quốc nên D cùng người đàn ông lội suối đi sang bờ suối bên phía Trung Quốc rồi mỗi người vác một thùng pháo về bên bờ suối Việt Nam. D xé một góc của 01 thùng catton ra để kiểm tra thấy bên trong là pháo hoa loại que, các thùng còn lại D không kiểm tra. Do không có tiền Trung Quốc nên D lấy ra số tiền 10.500.000 đồng tiền Việt Nam trả cho người đàn ông. Nhận tiền, người đàn ông cùng D chuyển 06 thùng pháo để lên giá để hàng dùng dây cao su chằng buộc, 01 thùng pháo D để phía trước xe máy của D, sau đó người đàn ông Trung Quốc lội qua suối đi về Trung Quốc còn D đi về cất giấu 06 thùng pháo tại nhà của D. Đến khoảng 07 giờ ngày 04/12/2023, Đ có sử dụng số điện thoại

0886.352.600 gọi đến số điện thoại 0376.701.241 của D. Qua nói chuyện biết D đã mua được pháo, Đ hẹn D 16 giờ cùng ngày đến để kiểm tra pháo và trả tiền pháo cho D, đồng thời vận chuyển pháo về cho K, D nhất trí. Buổi trưa cùng ngày L A S,) và Lg A H, đến nhà D nhìn thấy 06 thùng catton có hình chữ Trung Quốc, thấy có một thùng có một lỗ hở bên cạnh nên H và S có lấy một que pháo ra xem, biết đó là pháo hoa, sau đó cả hai người đi ra ngoài. Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, khi D đi chơi ở xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu thì thấy Đ cùng một người đàn ông khoảng 35 tuổi điều khiển xe máy nhãn hiệu YAMAHA màu xanh đen (D không nhớ biển kiểm soát) đi đến. D dẫn Đ và người đàn ông về nhà xem pháo. D, Đ và người đàn ông mở các thùng catton ra xem thì thấy bên trong có chứa các que pháo hoa, các hộp pháo nổ và các dây pháo nổ. D nói là số pháo mua từ Trung Quốc về cho K với số tiền là 4.000.000 đồng/thùng tổng số tiền của 06 thùng pháo là 24.000.000 đồng. Đ đồng ý giá cả và nói sẽ vận chuyển toàn bộ số pháo đến khu vực đường rẽ đi xã Mù Sang thuộc bản Dền Thàng, xã Dào Sao, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu để chuyển lên xe tải đem về Hà Nội cho K, khi chuyển pháo đến điểm hẹn an toàn thì Đ sẽ trả toàn bộ tiền cho D, D đồng ý. Sau đó, D có hỏi xin Đ để lại cho 01 que pháo hoa để đốt vào dịp tết, Đ đồng ý lấy từ bên 10 que pháo hoa, 02 dây pháo nổ đưa cho D. D nhận số pháo trên rồi cất 10 que pháo hoa ở cạnh cửa, còn 02 dây pháo nổ D cất ở trên đầu giường ngủ của D. Sau đó, Đ bảo D đi lấy bao tải để đựng các thùng pháo, tìm thuê 02 người vận chuyển pháo để tránh cơ quan chức năng phát hiện, Đ sẽ trả công cho mỗi người 200.000 đồng, D đồng ý. D lấy 05 bao tải màu cam, 01 bao tải màu xanh rồi cùng Đ cho toàn bộ các thùng pháo vào trong các bao tải. D nói L A S đi vận chuyển pháo cho Đ, đồng thời nói S tìm thêm một người nữa vận chuyển cùng. Sau đó S đứng ở nhà D gọi với sang nhà L V H nói H đem xe máy sang nhà nhờ tý việc, khi H S thì S có nói H đi vận chuyển pháo cùng S thì sẽ được trả 200.000 đồng, D nói H đi về lấy giá để hàng để chở, H đồng ý. H sử dụng xe máy nhãn hiệu Honda Wave RSX FI BKS: 25B1 - 933.23 (xe của bố H là L A T, lúc lấy xe đi H không nói cho bố biết) và 01 chiếc giá để hàng để đi vận chuyển các thùng pháo. Còn S sử dụng xe máy nhãn hiệu Honda Wave RSX FI BKS: 25B1 - 792.66 của S, và 01 giá chở hàng (Giá hàng lấy của anh trai là L A H, lúc lấy không nói cho anh H biết) để đi vận chuyển pháo. D, S và H bê 06 bao tải pháo để lên ba xe máy (03 bao để trên xe của H, 02 bao để trên xe của S, 01 bao để lên xe mô tô của D). L A D chở theo 01 bao tải xác rắn màu cam, bên trong là 01 thùng catton chứa pháo nổ, để ở giá trước xe. L A S chở 01 bao tải màu xanh bên trong là 01 thùng catton chứa 04 hộp pháo nổ gồm 196 ống hình trụ tròn và 01 bao tải màu cam bên trong là 01 thùng catton chứa 80 dây pháo nổ. L A H chở theo 03 bao tải, trong đó 02 bao tải màu cam là 83 gói nilon (mỗi gói có 10 que hình trụ tròn) là pháo hoa và 01 thùng bên trong chứa 75 dây pháo nổ. Đ điều khiển xe máy chở người đàn ông đi cùng về hướng xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Đến 18 giờ 45 phút cùng ngày khi ba người điều khiển xe đi đến khu vực bản A2, xã B, huyện Phong Thổ tỉnh Lai Châu thì bị tổ công tác liên ngành Công an xã B, C, Phòng PC 03 Công an tỉnh Lai Châu, đồn biên phòng Dào San phát hiện bắt quả tang.

Khi D, S, H bị bắt thì Đ và người đàn ông đi cùng đi trước nên tổ công tác không phát hiện. Căn cứ lời khai của D, tổ công tác đến khu vực đường rẽ đi xã Mù Sang thuộc bản Dền Thàng, xã Nậm Xe, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu để truy bắt nhưng không phát hiện có ai tại khu vực này.

Ngày 06/12/2023 Cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của D phát hiện thu giữ 10 que pháo hoa, 02 dây pháo nổ. Ngoài ra còn thu giữ 01 bao tải màu xanh, 02 bao tải màu cam chứa cây, củ sâm và củ tam thất. L A D khai nhận do gia đình D có vườn trồng sâm, tam thất nên nhờ anh G A H sinh năm 1993, trú tại bản Trung Chải, xã Pa Vây Sử, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu hỏi mua giúp về trồng, mục đích trồng để bán. Đến ngày 03/12/2023 khi thấy có 02 người đàn ông dân tộc Dao (không rõ tên, tuổi, địa chỉ) đến nhà của H hỏi H có mua sâm, tam thất nên H đã gọi điện cho D. Sau đó D đã đến nhà H gặp trao đổi đã mua toàn bộ số sâm, tam thất của hai người đàn ông với giá 15.000.000 đồng.

Ngày 06/12/2023 tiến hành, mở niêm phong, xác định khối lượng lấy mẫu giám định và niêm phong vật chứng xác định:

- 83 gói nilon màu trắng, bên trong mỗi gói nilon là 10 que hình trụ dài 58cm. đường kính 01cm, xung quanh bề mặt que hình trụ đều có hình, ký hiệu, chữ Trung Quốc có tổng khối lượng 45,05kg (bốn mươi lăm phẩy không năm kilogam).

- 196 ống hình trụ là bằng catton màu nâu, có chiều dài 24cm, đường kính 03cm có kèm theo dây dẫn nổ có tổng khối lượng 29,5kg (hai mươi chín phẩy năm kilogam).

- 235 gói giấy hình chữ nhật, màu đỏ, kích thước 32cm x 07cm x 01cm, trên bề mặt các gói giấy đều có hình, ký hiệu, chữ Trung Quốc, có tổng khối lượng 36,9 kg (ba mươi sáu phẩy chín kilogam).

- 01 gói nilon màu trắng, bên trong là 10 que hình trụ dài 58cm. đường kính 01cm, xung quanh bề mặt que hình trụ đều có hình, ký hiệu, chữ Trung Quốc có tổng khối lượng 0,55kg (không phẩy năm mươi lăm kilogam).

- 02 gói giấy hình chữ nhật, màu đỏ, kích thước 32cm x 07cm x 01cm, trên bề mặt gói giấy đều có hình, ký hiệu, chữ Trung Quốc, có tổng khối lượng 0,35kg (không phẩy ba mươi lăm kilogam).

Tổng khối lượng pháo thu giữ là 112,35kg (trong đó khối lượng pháo thu giữ trong quá trình bắt quả tang 111,45kg, khối lượng pháo thu giữ trong quá trình khám xét 0,9kg).

Khối lượng các cây, củ thực vật trong hai bao tải màu cam, màu xanh (nghi là củ tam thất) có tổng khối lượng 30,75kg (Ba mươi phẩy bảy lăm kilogam).

Khối lượng các cây, củ thực vật trong bao tải màu cam (nghi cây, củ sâm Lai Châu) có tổng khối lượng 6,35kg (sáu phẩy ba mươi lăm kilogam).

Tại bản kết luận giám định số 9042/KL-KTHS ngày 06/12/2023 của Viện khoa học hình sự Bộ công an kết luận: Mẫu vật gửi giám định có ký hiệu M1, M2 đều là pháo nổ (pháo hoa nổ). Mẫu vật gửi giám định có ký hiệu M3 là pháo nổ.

Tại bản Kết luận giám định tư pháp trong lĩnh vực lâm nghiệp số 799/CNR-VP ngày 08/12/2023 của Viện nghiên cứu công nghiệp rừng, Viện khoa học Lâm nghiệp Việt Nam kết luận hai mẫu vật gửi giám định: có tên Việt Nam là Sâm Lai Châu, tên khoa học Panax vietnamensis var.fuscidiscus và Tam thất, tên khoa học là Panax notoginseng.

Sâm Lai Châu thuộc nhóm IIA trong "danh mục thực vật, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm" ban hành kèm theo Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/09/2021 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về Quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.

Tam thất không có tên trong "danh mục thực vật, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm" ban hành kèm theo Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/09/2021 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về Quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.

Căn cứ vào đặc điểm của mẫu vật giám định không thể xác định được các cây/củ giám định được thu từ tự nhiên hay từ nuôi trồng.

Tại bản kết luận giám định số: 9641/KL-KTHS ngày 05/01/2024 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: Tìm thấy: 6510 lịch sử cuộc gọi, 2249 tin nhắn SMS, 10299 tin nhắn Facebook, 15085 tin nhắn Zalo, 187535 tệp hình ảnh lưu trữ trong máy điện thoại. Không tìm thấy dữ liệu tin nhắn Wechat. Không tìm thấy dữ liệu tin nhắn lưu trữ trong thẻ SIM. Mọi dữ liệu trong chiếc điện thoại thu giữ của L A D phù hợp với lời khai của L A D và biên bản kiểm tra điện thoại ngày 06/12/2023 của Cơ quan CSĐT - Công an huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

Tại bản kết luận định giá số 44/KLĐG ngày 18 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản thuộc UBND huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu thì 6,35 kg (sáu phẩy ba mươi năm) cây, củ sâm Lai Châu có tên khoa học là Panax vietnamensis var *f*uscidiscus có từ 12 đến 15 củ/01 kg; có đầy đủ thân, rễ, lá, tình trạng vẫn còn tươi. Theo giá chào bán trung bình tại thời điểm tháng 12 năm 2023 là 29.210.000 đồng (Hai mươi chín triệu hai trăm mười nghìn đồng); 30,75kg (Ba mươi phẩy bảy năm) củ tam thất có tên khoa học là Panax notoginseng, có đặc điểm 08 đến 10 củ/01 kg, chỉ có phần củ không có thân, lá, tình trạng còn tươ. Theo giá chào bán trung bình tại thời điểm tháng 12 năm 2023 là 17.425.000 đồng (Mười bảy triệu bốn trăm hai mươi năm nghìn đồng).

Tổng giá trị của 6,35 kg (sáu phẩy ba mươi năm) cây, củ sâm Lai Châu có tên khoa học là Panax vietnamensis var *f*uscidiscus có từ 12 đến 15 củ/01 kg; có đầy đủ thân, rễ, lá, tình trạng vẫn còn tươi và 30,75kg (ba mươi phẩy bảy năm) củ tam thất có tên khoa học là Panax notoginseng. Có đặc điểm 8 đến 10 củ/01 kg. Chỉ có phần củ không có thân, lá, tình trạng còn tươi. Có giá trị tại thời điểm tháng 12/2023 là 46.635.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu, sáu trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

Bản cáo trạng số: 04/CT-VKS ngày 16 tháng 01 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu đã truy tố các bị cáo L A D về tội: "Buôn bán hàng cấm" theo quy định tại điểm g, k khoản 2 Điều 190 và các bị cáo L A S, L A H về tội Vận chuyển hàng cấm theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 191 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu đã truy tố, không oan, không sai. Các bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại tài sản cho mình.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo L A D phạm tội Buôn bán hàng cấm. Các bị cáo L A S, L A H phạm tội Vận chuyển hàng cấm ;

Về hình phạt:

- Đề nghị áp dụng điểm g, k khoản 2, khoản 4 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, điểm a, c khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố Tụng hình sự đối với bị cáo L A D. Đề nghị xử phạt bị cáo L A D 5 năm 6 tháng đến 6 năm tù. Phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo từ 20 đến 25 triệu đồng.

- Đề nghị áp dụng điểm g khoản 2, khoản 4 Điều 191; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65, điểm a, c khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều điểm a, c khoản 2, điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố Tụng hình sự đối với các bị cáo L A S, L A H. Đề nghị xử phạt bị cáo L A S 02 năm 9 tháng đến 3 năm tù, cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo. Xử phạt bị cáo L A H 02 năm 6 tháng đến 02 năm 9 tháng tù, cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo.

Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo S và H

Về vật chứng:

- Đề nghị tịch thu, tiêu hủy: Toàn bộ số dây cao su, 01 giá để hàng bằng kim loại

- Đề nghị tịch thu hóa giá sung quỹ nhà nước: 01 xe mô tô Honda Wave RSX màu đen trắng, BKS 25B1 – 79266. Số khung RLHJA3856MY106401, số máy JA52E0233444 (kèm theo xe là 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô số 25 003746); 01 xe mô tô Honda Airblade màu trắng BKS: 25B1 – 809.63, số khung RLHJF6337MZ129057, số máy JF94E0309628 (kèm theo 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 25 005712); 01 điện thoại di động Vivo V2025 màu hồng, IMEI1 866243055217417, IMEI2 866243055217409 có lắp 02 sim gồm số 0375701241 và 0332579642;

- Đề nghị trả lại cho bị cáo L A S: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart màu đen có số IMEI1: 351088465885259, IMEI2: 351088465885267 điện thoại lắp 01 sim số 04245997;

- Đề nghị trả lại cho bị cáo L A H: 01 điện thoại nhãn hiệu Vivo 1902 màu hồng, số IMEI1: 866695047079710, số IMEI2: 866695047079702 điện thoại được lắp 01 sim số 0914312061;

- Đề nghị trả lại cho anh L A H: 01 giá để hàng bằng kim loại.

- Đề nghị trả lại cho anh L A T: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX màu xanh đen, BKS: 25B1 – 933.23 số máy JA52E0551769, số khung RLHJA385XPY213374 kèm theo 01 giá để hàng bằng kim loại, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 25 001104;

- Đối với vật chứng 112,05 kg là pháo nổ, pháo hoa nổ và toàn bộ số bìa cát tông, 06 bao tải (01 bao màu xanh, 05 bao màu cam) giao và đề nghị tịch thu tiêu hủy, xử lý theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Các bị cáo được miễn án phí theo quy định của pháp luật

Các bị cáo không tranh luận đối đáp với đại diện Viện kiểm sát, ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Điều tra viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của mình theo quy định tại Điều 37 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của mình theo quy định tại Điều 42 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các tài liệu, chứng cứ được thu thập theo đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng hình sự quy định. Nên các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do vậy có đủ cơ sở xác định các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội như sau: Vì mục đích lợi nhuận nên khoảng 00 giờ ngày 04/12/2023 bị cáo L A S vượt suối biên giới giữa Việt Nam và Trung Quốc thuộc khu vực cột mốc 70 bản Hoang Thèn, xã Vàng Ma Chải, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu để mua 06 thùng pháo với giá 10.500.000 đồng của một người đàn ông Trung Quốc mang về nhà mình để bán cho một người tên K ở Hà Nội với giá 24.000.000 đồng. Khi mang pháo về nhà mình, bị cáo D đã cùng với, bị cáo L A S và L A H chở số pháo trên đến địa điểm tập kết ở ngã ba rẽ đi xã Mù Sang, huyện Phong Thổ để giao cho người đàn ông tên Đ và Đ sẽ trả tiền công chở cho S và H mỗi người 200.000 đồng (là bạn của K). Khoảng hơn 17 giờ ngày 04/12/2023 các

bị cáo D, S và H trên đường đi đến địa điểm giao hàng, đến khu vực bản A2, xã B, huyện Phong Thổ thì bị bắt và thu giữ toàn bộ vật chứng là 111,45 kg pháo. Tiến hành khám xét nơi ở của D, cơ quan điều tra thu giữ thêm 0,9 kg pháo. Tổng số pháo thu giữ là 112,35 kg.

Hành vi nêu trên của bị cáo L A D là rất nguy hiểm cho xã hội, hành vi của L A S và L A H là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội. Hành vi của bị cáo L A D phạm vào tội Buôn bán hàng cấm theo quy định tại điểm g, k khoản 2 Điều 190 Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo L A S và L A H phạm vào tội Vận chuyển hàng cấm theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 191 Bộ luật hình sự. Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do vậy, phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của mình đã gây ra. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ.

Về vai trò của các bị cáo trong vụ án: Đây là vụ án các bị cáo đồng phạm giản đơn. Bị cáo S và bị cáo H, trước đó đã biết việc bị cáo D mua, tàng trữ pháo, khi được thuê chở và sẽ trả công 200.000 đồng đã cùng nhau chở pháo đến địa điểm tập kết để giao pháo cho K.

Về nhân thân: Các bị cáo là người dân tộc thiểu số, tuổi đời còn trẻ, trình độ học vấn thấp, có bị cáo không biết chữ, phạm tội lần đầu.

Các bị cáo không có tiền án, tiền sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải về hành vi của mình; Các bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng đặc biệt khó khăn về kinh tế xã hội. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xem xét hành vi, mức độ phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ của các bị cáo khi quyết định hình phạt. Hội đồng xét xử thấy rằng, bị cáo D mức độ phạm tội rất nguy hiểm do đó cần phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo. Bị cáo S và H mức độ phạm tội ít nghiêm trọng hơn bị cáo D, nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng chưa đến mức phải cách ly khỏi xã hội. Do đó, áp dụng Điều 65 BLHS đối với bị cáo S và H, xử phạt tù, nhưng cho hưởng án treo cũng đủ cơ sở để giáo dục, cải tạo các bị cáo.

[3] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo D không thuộc diện hộ nghèo hay cận nghèo, có thu nhập ổn định nên áp dụng khoản 4 Điều 190 BLHS xử phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo S và H do hoàn cảnh, thu nhập không ổn định, con còn nhỏ.

[4] Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm a, c khoản 1, khoản 2 Điều 47 BLHS; điểm a, c khoản 2, điểm a, b khoản 3 Điều 106 BLTTHS.

- Tịch thu, tiêu hủy: Toàn bộ số dây cao su, 01 giá để hàng bằng kim loại

- Tịch thu hóa giá sung quỹ nhà nước: 01 xe mô tô Honda Wave RSX màu đen trắng, BKS 25B1 – 79266. Số khung RLHJA3856MY106401, số máy JA52E0233444 (kèm theo xe là 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô số 25 003746); 01 xe mô tô Honda Airblade màu trắng BKS: 25B1 – 809.63, số khung RLHJF6337MZ129057, số máy JF94E0309628 (kèm theo 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 25 005712); 01 điện thoại di động Vivo V2025 màu hồng, IMEI1 866243055217417, IMEI2 866243055217409 có lắp 02 sim gồm số 0375701241 và 0332579642;

- Trả lại cho bị cáo L A S: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart màu đen có số IMEI1: 351088465885259, IMEI2: 351088465885267 điện thoại lắp 01 sim số 04245997;

- Trả lại cho bị cáo L A H: 01 điện thoại nhãn hiệu Vivo 1902 màu hồng, số IMEI1: 866695047079710, số IMEI2: 866695047079702 điện thoại được lắp 01 sim số 0914312061;

- Trả lại cho anh L A H: 01 giá để hàng bằng kim loại.

- Trả lại cho anh L A T: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX màu xanh đen, BKS: 25B1 – 933.23 số máy JA52E0551769, số khung RLHJA385XPY213374 kèm theo 01 giá để hàng bằng kim loại, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 25 001104;

- Đối với vật chứng 112,05 kg là pháo nổ, pháo hoa nổ và toàn bộ số bìa cát tông, 06 bao tải (01 bao màu xanh, 05 bao màu cam) giao và đề nghị Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Lai Châu tiêu hủy, xử lý theo quy định của pháp luật

[5] Về án phí: Các bị cáo sinh sống ở vùng đặc biệt khó khăn về kinh tế xã hội nên miễn án phí cho các bị cáo.

[6] Những vấn đề liên quan đến vụ án:

Đối với đối tượng tên K, Đ và người đàn ông đi cùng Đ quá trình điều tra chưa có tài liệu chứng cứ để xác định danh tính cụ thể của những người này nên không có cơ sở để xử lý. Kiến nghị Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, đấu tranh làm rõ các đối tượng trên.

Đối với số lượng sâm, tam thất thu được tại nhà D, do không đủ cơ sở xử lý trách nhiệm hình sự. Công an huyện đã xử lý hành chính đối với hành vi trên của Dào.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Tuyên bố bị cáo L A D phạm tội: Buôn bán hàng cấm. Bị cáo L A S và bị cáo L A H phạm tội Vận chuyển hàng cấm

2/ Về hình phạt:

- Căn cứ điểm g, k khoản 2, khoản 4 Điều 190, Điều 38, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo L A D 05 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/12/2023.

Xử phạt bổ sung là phạt tiền bị cáo L A D 20.000.000 đồng.

- Căn cứ điểm g khoản 2, khoản 4 Điều 191; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo L A S 03 năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 năm, thời hạn tính từ ngày 28/01/2024.

Xử phạt bị cáo L A H 02 năm 09 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 năm, thời hạn tính từ ngày 28/01/2024.

Giao bị cáo L A S và L A H cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo L A S và L A H

3/ Xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, c khoản 1, khoản 2 Điều 47 BLHS; điểm a, c khoản 2, điểm a, b khoản 3 Điều 106 BLTTHS

- Tịch thu, tiêu hủy: Toàn bộ số dây cao su, 01 giá để hàng bằng kim loại

- Tịch thu hóa giá sung quỹ nhà nước: 01 xe mô tô Honda Wave RSX màu đen trắng, BKS 25B1 – 79266. Số khung RLHJA3856MY106401, số máy JA52E0233444 (kèm theo xe là 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô số 25 003746); 01 xe mô tô Honda Airblade màu trắng BKS: 25B1 – 809.63, số khung RLHJF6337MZ129057, số máy JF94E0309628 (kèm theo 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 25 005712); 01 điện thoại di động Vivo V2025 màu hồng, IMEI1 866243055217417, IMEI2 866243055217409 có lắp 02 sim gồm số 0375701241 và 0332579642;

- Trả lại cho bị cáo L A S: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart màu đen có số IMEI1: 351088465885259, IMEI2: 351088465885267 điện thoại lắp 01 sim số 04245997;

- Trả lại cho bị cáo L A H: 01 điện thoại nhãn hiệu Vivo 1902 màu hồng, số IMEI1: 866695047079710, số IMEI2: 866695047079702 điện thoại được lắp 01 sim số 0914312061;

- Trả lại cho anh L A H: 01 giá để hàng bằng kim loại.

- Trả lại cho anh L A T: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX màu xanh đen, BKS: 25B1 – 933.23 số máy JA52E0551769, số khung RLHJA385XPY213374 kèm theo 01 giá để hàng bằng kim loại, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 25 001104;

- Đối với vật chứng 112,05 kg là pháo nổ, pháo hoa nổ và toàn bộ số bìa cát tông, 06 bao tải (01 bao màu xanh, 05 bao màu cam) giao và đề nghị Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Lai Châu tiêu hủy, xử lý theo quy định của pháp luật

4/ Án phí: Căn cứ Điều 135, 136 BLHS, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo

5/ Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 BLTTHS. Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- Sở Tư pháp tỉnh Lai Châu;
- Bộ CHQS tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Phong Thổ;
- CQCSĐT CA huyện Phong Thổ;
- CQTHAHS CA huyện Phong Thổ;
- CCTHADS huyện Phong Thổ;
- Bị cáo; NCQLNVLQ;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Triệu Trung Tá